

**THÔNG BÁO**  
**TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2022**

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1766/QĐ-HVKHCN ngày 28/12/2021 của Giám đốc Học viện Khoa học và Công nghệ;

Học viện Khoa học và Công nghệ (KHCN) thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Đợt 1 năm 2022 như sau:

**1. Đối tượng và điều kiện dự thi:**

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Người dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, khi có một trong các văn bằng sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng tiếng nước ngoài do một cơ sở đào tạo nước ngoài, hoặc do phân hiệu của cơ sở nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp. Văn bằng được công nhận theo Thông tư 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố hoặc các chứng chỉ tương đương khác theo *Phụ lục 1-ThS*, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (24 tháng kể từ ngày cấp).

*Người dự tuyển không có một trong các văn bằng, chứng chỉ nêu trên phải tham gia thi đánh giá năng lực tiếng Anh tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Học viện tổ chức.*

c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Việt.

d) Có đủ sức khỏe để thực hiện quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

e) Được cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm), hoặc trường nơi người dự tuyển vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển học viên cao học. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt, không có

tiền án, tiền sự, hiện không vi phạm pháp luật; không trong thời gian bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

## **2. Chỉ tiêu tuyển sinh theo chương trình đào tạo, môn thi:**

Tổng số: 360 chỉ tiêu (chỉ tiêu chi tiết và các môn thi tuyển sinh cho từng ngành có trong *Phụ lục 2-ThS*)

## **3. Danh mục ngành phù hợp của từng chương trình đào tạo**

Danh mục ngành phù hợp của các chương trình đào tạo thạc sĩ có trong *Phụ lục 3-ThS*

## **4. Hồ sơ đăng ký dự tuyển**

- (1). 01 Đơn đăng ký dự thi (*Theo mẫu*)
- (2). 01 Bản sao có công chứng các giấy tờ sau:
  - Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học;
  - Bằng và bảng điểm tốt nghiệp hệ cao đẳng (*đối với thí sinh học hệ liên thông*);
  - Các giấy tờ có giá trị pháp lý về đối tượng ưu tiên (*nếu có*);
  - Bằng và bảng điểm đại học hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (*nếu có*);
  - Chứng nhận kết quả học bổ sung kiến thức (*nếu có*);
  - Các văn bằng, chứng chỉ khác (*nếu có*);
- (3). 01 Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan hoặc chính quyền địa phương trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi (*Theo mẫu*)
- (4). 01 Công văn cử đi dự thi của Thủ trưởng cơ quan quản lý đối với thí sinh do cơ quan cử đi học (*không yêu cầu đối với thí sinh tự do*)
- (5). 01 Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa trong thời hạn 6 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ dự thi
- (6). 02 ảnh màu cỡ 3 x 4 cm (*ghi rõ họ tên, ngày sinh của thí sinh ở mặt sau ảnh*)
- (7). Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp (*không yêu cầu đối với các văn bằng thuộc Điều 5, Thông tư số 13/2021/TT-BGDĐT ngày 15/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp để sử dụng tại Việt Nam*”).

## **5. Kế hoạch và phương thức tuyển sinh:**

Kế hoạch tuyển sinh chi tiết trong *Phụ lục 4-ThS*

Thời gian thi dự kiến: Ngày **23-24/04/2022** (*Thứ Bảy, Chủ Nhật*)

Phương thức tuyển sinh: Thi tuyển kết hợp xét hồ sơ

Hình thức tuyển sinh: Thi trực tiếp hoặc trực tuyến (tùy thuộc tình hình thực tế)

## **6. Học phí và lệ phí tuyển sinh**

- Học phí thu theo năm học, đối với khóa tuyển sinh năm đợt 1/2022 là 15.900.000 đ/năm.

- Phí tuyển sinh: 1.000.000 đ/thí sinh

- Nộp phí tuyển sinh: Chỉ nộp theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Học viện KHCN: Tên tài khoản: Học viện Khoa học và Công nghệ

Số TK: 11810000188189 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Bắc Hà

Ghi rõ nội dung chuyển tiền: “*Họ tên - Nộp phí dự tuyển đào tạo trình độ Thạc sĩ đợt 1-2022*”.

*Mức học phí có thể được điều chỉnh theo lộ trình của Chính phủ về học phí.*

## **7. Những thông tin cần thiết khác**

a) Đăng ký dự tuyển: Ngoài việc nộp hồ sơ bằng bản giấy, thí sinh phải đăng ký trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Học viện: <http://www.gust.edu.vn>

b) Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày **26/01/2022** đến hết **11/03/2022**

c) Địa điểm nộp hồ sơ và lệ phí dự thi:

- Thí sinh có thể nộp hồ sơ đăng ký dự tuyển trực tiếp tại:

+ Học viện KHCN, phòng 1612 nhà A28, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Người nhận: CV. Phạm Thị Như Quỳnh, số ĐT: 024-32121286 hoặc 0916467768.

+ Văn phòng đại diện Viện Hàn lâm KHCNVN tại Tp. Hồ Chí Minh, Số 1 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp. HCM. Người nhận: CV. Nguyễn Thị Thanh Thảo, số ĐT: 028-38222068 hoặc 0932093007.

+ Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang, Số 2 Hùng Vương, Tp. Nha Trang, Khánh Hòa. Người nhận: CV. Trần Minh Trang, số ĐT: 0916616901.

- Hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện theo địa chỉ: Phòng Đào tạo, Học viện Khoa học và Công nghệ, Nhà A28, số 18 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội. Ghi rõ “*Hồ sơ dự tuyển đào tạo trình độ Thạc sĩ đợt 1-2022*”.

- Thí sinh dự tuyển phải nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các văn bằng chứng chỉ, giấy tờ và lệ phí theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện KHCN.

- Mọi chi tiết xin liên hệ CV. Phạm Thị Như Quỳnh, số ĐT: 024-32121286 hoặc 0916467768 để được giải đáp và xem tại Cổng thông tin điện tử của Học viện KHCN: <http://www.gust.edu.vn/>.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm KHCNVN;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các Trường Đại học, Cao đẳng, THPT;
- Các Sở Khoa học và Công nghệ;
- Các Viện, Trung tâm nghiên cứu;
- Cổng thông tin điện tử của Học viện;
- Lưu VT, KT, ĐT, PQ.50.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Thị Trung**

**Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương  
bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam áp dụng trong tuyển  
sinh trình độ thạc sĩ**

*(Kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng  
Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

<b>TT</b>	<b>Ngôn ngữ</b>	<b>Chứng chỉ/Văn bằng</b>	<b>Điểm tương đương Bậc 3</b>
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45
		TOEFL ITP	450-499
		IELTS	4.0 - 5.0
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1

## CHỈ TIÊU TUYỂN SINH THEO CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, MÔN THI

TT	Ngành học	Mã số	Chỉ tiêu	Môn thi tuyển		
				Cơ bản	Cơ sở	Ngoại ngữ
<b>I. Khoa Toán học</b>						
1.	Toán giải tích	8460102	<b>60</b>	Giải tích	Đại số	Tiếng Anh
2.	Đại số và lý thuyết số	8460104				
3.	Hình học và tô pô	8460105				
4.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	8460106				
5.	Toán ứng dụng	8460112				
<b>II. Khoa Vật lý</b>						
6.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	<b>40</b>	Toán cho vật lý	Cơ sở vật lý	Tiếng Anh
7.	Vật lý chất rắn	8440104				
8.	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	8440106				
9.	Vật lý kỹ thuật	8520401				
<b>III. Khoa Hóa học</b>						
10.	Hóa vô cơ	8440113	<b>60</b>	Hóa học cơ bản	Cơ sở lý thuyết hoá học	Tiếng Anh
11.	Hóa hữu cơ	8440114				
12.	Hóa phân tích	8440118				
13.	Hóa lý thuyết và Hóa lý	8440119				
<b>IV. Khoa Sinh thái và Tài nguyên sinh vật</b>						
14.	Động vật học	8420103	<b>20</b>	Sinh học đại cương	Tế bào di truyền	Tiếng Anh
15.	Thực vật học	8420111				
<b>V. Khoa Công nghệ thông tin và Viễn thông</b>						
16.	Hệ thống thông tin	8480104	<b>30</b>	Toán rời rạc	Tin học cơ sở	Tiếng Anh
<b>VI. Khoa Công nghệ sinh học</b>						
17.	Sinh học thực nghiệm	8420114	<b>100</b>	Sinh học đại cương	Tế bào di truyền	Tiếng Anh
<b>VII. Khoa Công nghệ môi trường</b>						
18.	Kỹ thuật môi trường	8520320	<b>50</b>	Các quá trình cơ bản trong CNMT	Cơ sở khoa học môi trường	Tiếng Anh

Tổng số: 360 chỉ tiêu./.

Ghi chú: - Đối với nhóm ngành Toán học, chỉ tổ chức thi tuyển và giảng dạy tại Hà Nội;  
- Các nhóm ngành còn lại được tổ chức thi tuyển và giảng dạy tại Hà Nội, Nha Trang và TP. Hồ Chí Minh.

## DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Ngành đào tạo	Mã số	Ngành phù hợp
<b>I. Khoa Toán học</b>			
1.	Toán giải tích	8460102	Toán học; Khoa học tính toán; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin; Thống kê; Sư phạm Toán học
2.	Đại số và lý thuyết số	8460104	
3.	Hình học và tô pô	8460105	
4.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán học	8460106	
5.	Toán ứng dụng	8460112	
<b>II. Khoa Vật lý</b>			
6.	Vật lý lý thuyết và vật lý toán	8440103	Vật lý học; Vật lý nguyên tử và hạt nhân; Sư phạm Vật lý; Thiên văn học; Cơ học; Khoa học vật liệu; Hóa học; Vật lý kỹ thuật; Kỹ thuật hạt nhân; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân
7.	Vật lý chất rắn	8440104	
8.	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	8440106	
9.	Vật lý kỹ thuật	8520401	
<b>III. Khoa Hóa học</b>			
10.	Hóa vô cơ	8440113	Hóa học; Kỹ thuật hóa học; Khoa học vật liệu; Kỹ thuật vật liệu; Kỹ thuật môi trường; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Công nghệ kỹ thuật vật liệu; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Công nghệ kỹ thuật môi trường; Sư phạm hóa học; Hóa dược; Dược học
11.	Hóa hữu cơ	8440114	
12.	Hóa phân tích	8440118	
13.	Hóa lý thuyết và Hóa lý	8440119	
<b>IV. Khoa Sinh thái và Tài nguyên sinh vật</b>			
14.	Động vật học	8420103	Sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học; Sư phạm sinh học; Chăn nuôi, Thú y; Nuôi trồng thủy sản; Khoa học thủy sản; Công nghệ sinh học
15.	Thực vật học	8420111	Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học; Sinh học; Sư phạm sinh học; Khoa học cây trồng; Lâm học; Lâm sinh; Công nghệ sinh học;
<b>V. Khoa Công nghệ thông tin và Viễn thông</b>			
16.	Hệ thống thông tin	8480104	Khoa học máy tính; Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu; Kỹ thuật phần mềm; Hệ thống thông tin; Kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ thông tin; An toàn thông tin; Sư phạm Tin học; Khoa học tính toán; Toán ứng dụng; Toán cơ; Toán tin; Toán học; Công nghệ kỹ thuật cơ – điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử-viễn thông; Kỹ thuật cơ điện tử; Kỹ thuật điện tử-viễn thông; Hệ thống thông tin quản lý
<b>VI. Khoa Công nghệ sinh học</b>			
17.	Sinh học thực nghiệm	8420114	Công nghệ sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học; Sinh học; Sư phạm sinh học; Khoa học cây trồng; Lâm học; Lâm sinh; Chăn nuôi, Thú y; Nuôi trồng thủy sản; Khoa học thủy sản
<b>VII. Khoa Công nghệ môi trường</b>			
18.	Kỹ thuật môi trường	8520320	Công nghệ kỹ thuật môi trường; Công nghệ môi trường; Công nghệ vật liệu; Công nghệ kỹ thuật hóa học; Công nghệ kỹ thuật hạt nhân; Kỹ thuật môi trường; Kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật vật liệu Kỹ thuật hạt nhân, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường ; Công nghệ sinh học; Sinh học ứng dụng; Kỹ thuật sinh học

**KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ  
ĐỢT 1 NĂM 2022**

<b>TT</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Nội dung công việc</b>
1.	26/01/2022 – 11/03/2022	Phát hành và nhận hồ sơ đăng kí dự thi
2.	14/03/2022	Đề xuất Ban ra đề thi, chấm thi, cử giảng viên ôn tập
3.	24/03/2022	Nộp nội dung ôn tập các môn thi
4.	25/03/2022	Đưa nội dung ôn tập lên Cổng thông tin điện tử của Học viện
5.	28/03/2022	Nộp đề thi, đáp án kèm thang điểm
6.	01/04/2022 – 20/04/2022	Ôn tập cho thí sinh
7.	11/04/2022 – 18/04/2022	Sao in đề thi
8.	<b>23-24/04/2022</b>	Tổ chức thi
9.	25/04/2022	Làm phách bài thi
10.	26/04/2022 – 28/04/2022	Chấm thi
11.	02/05/2022	Công bố kết quả thi tuyển; thông báo nhận đơn phúc khảo
12.	11/05/2022	Ra quyết định trúng tuyển; Gửi giấy báo trúng tuyển
13.	<b>25/05/2022</b>	Quyết định công nhận học viên cao học

**ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

1. **Họ và tên** (viết chữ in hoa): .....
2. **Giới tính:** Nam  Nữ
3. **Ngày sinh:**.....
4. **Nơi sinh:** .....
5. **Nơi ở hiện nay:**.....
6. **Đối tượng dự thi:** Thí sinh tự do:  Cơ quan cử đi học:
7. **Cơ quan công tác hiện nay:** .....
8. **Chuyên môn công tác:** .....
9. **Chức vụ:** .....
10. **Thâm niên nghề nghiệp (số năm công tác trong lĩnh vực ĐKĐT):**.....
11. **Văn bằng đại học:**  
Tốt nghiệp ngành: .....
- Trường: ..... Năm tốt nghiệp:.....
- Xếp loại tốt nghiệp hạng: .....
- Hình thức đào tạo: Chính quy ; Vừa làm vừa học ; Từ xa
12. **Thông tin bằng cấp, chứng chỉ dùng để xét miễn thi Ngoại ngữ (nếu có)**  
Văn bằng hoặc chứng chỉ: .....
- Nơi cấp : ..... Ngày cấp :.....
13. **Đối tượng ưu tiên:** .....
14. **Chuyên ngành đăng ký dự thi:** .....
- Mã số: .....
15. **Địa chỉ liên hệ:** .....
- .....
- .....
- Số điện thoại liên hệ: .....
- Email: .....

....., ngày tháng năm 20....

**Người đăng ký**  
(Ký và ghi rõ họ tên)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

*Ảnh 3 x 4 cm  
có đóng dấu  
giáp lai*

Họ và tên: .....  
Ngày, tháng, năm sinh: .....  
Nam/Nữ: .....  
Dân tộc: ..... Tôn giáo: .....  
Nơi sinh: .....  
Hộ khẩu thường trú: .....  
.....  
Địa chỉ hiện nay: .....

.....  
Cơ quan công tác hiện nay: .....  
.....

**Quá trình học tập** (từ bậc Trung học phổ thông trở lên):

Thời gian	Nơi học	Ngành học

**Quá trình công tác:**

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ/ Vị trí công việc

Khen thưởng: .....

Kỷ luật: .....

Họ và tên Bố: ..... Năm sinh: .....

Cơ quan công tác: .....

Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay: .....

Tóm tắt những mốc chính trong quá trình công tác: .....

.....  
.....  
.....  
.....

Họ và tên Mẹ: ..... Năm sinh: .....

Cơ quan công tác: .....

Nghề nghiệp, chức vụ hiện nay: .....

Tóm tắt những mốc chính trong quá trình công tác: .....

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Anh chị em ruột: (*Ghi rõ Họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, nơi công tác của từng người*)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Vợ/chồng, con: (*Ghi rõ Họ tên, ngày sinh, nghề nghiệp, nơi công tác của từng người*)

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Lời cam đoan:**

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có gì sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

....., ngày .... tháng ... năm ...

**Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan  
hoặc của UBND phường (xã)**

**Người khai**  
(*Ký và ghi rõ họ tên*)

**ĐƠN ĐĂNG KÝ ÔN TẬP  
THI TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 1 NĂM 2022**

Kính gửi: Học viện Khoa học và Công nghệ

Tên tôi là: .....

Ngày tháng năm sinh: ..... Giới tính: Nam  Nữ

Địa chỉ liên hệ: .....

Điện thoại: ..... Email: .....

Đăng ký dự thi cao học chuyên ngành: .....

Đăng ký ôn tập kiến thức các môn (*tích vào ô tương ứng*):

1. Môn cơ bản:    Có                          Không   

2. Môn cơ sở:    Có                          Không   

3. Tiếng Anh:    Có                          Không   

Tôi cam kết tự nguyện học tập và thực hiện nghiêm túc các quy định của Học viện Khoa học và Công nghệ.

Trân trọng cảm ơn./.

**Người đăng ký**  
(*Ký, ghi rõ họ tên*)

*Ghi chú: Các thí sinh liên hệ trực tiếp với cán bộ nhận hồ sơ về lịch và phí ôn tập.*